TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:91/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v: "Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Quang.

2. Ông Nguyễn Thanh Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 6năm 2024về việc "Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2025/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2025và Quyết định hoãn phiên toà giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm:1975 (Có mặt)

Trú tại: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cũ nay làấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là ông Phạm Hoài T, sinh năm 1957 (Có mặt)

Trú tại: Khu vực M, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là khu vực N, phường N, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1967

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo uỷ quyền bị đơn ông Nguyễn Văn H là bà Võ Thị H12, sinh năm 1972. (Có mặt)

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1955

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

2.Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1954

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

3.Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1959

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

4.Bà Nguyễn Thị R, sinh năm:1960

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

5. Bà Nguyễn Thanh T3, sinh năm: 1965

Trú tại: đường M, phường A, quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ

6. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm: 1969

Trú tại: ấp Định Phú C, xã L, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cũ nay là ấp Định Phú C, xã Tân Hoà, tỉnh Vĩnh Long.

7. Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm: 1978

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

8. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1968(chết năm 2014)

Có tất cả 4 người con:

8.1 Ông Nguyễn Văn Châu T5, sinh năm: 1992

8.2 Bà Nguyễn Thị Diệu H2, sinh năm: 1985

8.3 Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1987

8.4 Bà Nguyễn Thị Mộng T6, sinh năm: 1988

Cùng trú tại: ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ cũ nay là ấp 1, xã Thạnh Phú, thành phố Cần Thơ.

9.Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm: 1963(chết năm 2013).Có tất cả: 2 người con:

9.1 Ông Bùi Tấn T7, sinh năm: 1989

Trú tại: ấp T, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cũ nay là ấp T, xã Thạnh Hoà, thành phố Cần Thơ.

9.2 Ông Bùi Thanh T8, sinh năm: 1991

Trú tại: ấp L, xã X, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cũ nay là ấp L, xã C, thành phố Hồ Chí Minh.

9.3. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ.

10.Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (Tên gọi khác: Lượm).

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

11.Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1988.

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

12. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2007. (Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Đ là cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Ngọc Q và là người giám hộ đương nhiên cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q).

13.Ông Nguyễn Văn E1, sinh năm 1986.

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

14.Ông Nguyễn Hoàng A2, sinh năm 1985.

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

15.Bà Nguyễn Thị Diễm T2, sinh năm 1990.

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

16.Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1988.

Trú tại: 79E/4 khu vực Bình Dương, phường Long Hòa, quận Bình Thuỷ, thành phố Cần Thơ cũ nay là 79E/4 khu vực Bình Dương, phường Long Tuyền, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Văn Châu T5, bà Nguyễn Thị Diệu H2, bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Mộng T6, ông Bùi Tấn T7, bà Bùi Thanh T8, ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (Tên gọi khác: Lượm), bà Phạm Thị Đ, Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 2007. (Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Đ là cha mẹ ruột bà Nguyễn Thị Ngọc Q và là người giám hộ đương nhiên cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q). ông Nguyễn Văn E1, Nguyễn Hoàng A2, Nguyễn Thị Diễm T2, bà Nguyễn Thị Thúy K là : Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975.

Trú tại: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang cũ nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

17. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1995.

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn N là bà Võ Thị H12, sinh năm 1972.

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

18.Ông Nguyễn Văn Đ6, sinh năm 1996.(Có mặt)

Trú tại: khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giangcũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theođơn khởi kiện đề ngày 12/06/2024 và quá trình tố tụngnguyên đơn bà Nguyễn Thị T đồng thời đại diện uỷ quyền của những ông bà sau: Bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị T10, bà Trần Thị Cẩm N10, ông Bùi Tấn T7, bà Bùi Thanh T8, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Châu T5, bà Nguyễn Diệu H10, bà Nguyễn Thị Mộng T11, bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (tên gọi khác Lượm), bà Phạm Thị Đ, Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh ngày 25/4/2007 ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị Đ là cha mẹ ruột Nguyễn Thị Ngọc Q là người giám hộ cho Nguyễn Thị Ngọc Q. ông Nguyễn Văn E1, ông Nguyễn Hoàng A2, bà Nguyễn Thị Thuý K, bà Nguyễn Thị Cẩm T12 trình bày:

Nguyên đơn là con của ông Nguyễn Văn Đ11 (chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị R11 (chết năm 2007). Ông Đ11, bà R11 có tổng cộng 11 người con là: bà Nguyễn Thị T2; bà Nguyễn Thị N2; ông Nguyễn Văn T2; bà Nguyễn Thị R; bà Nguyễn Thanh T3; ông Nguyễn Văn H; bà Nguyễn Thị T4; bà **Nguyễn Thị Cẩm N**; ông Nguyễn Văn D (ông Dữ chết năm 2014, có 4 người con bao gồm: Nguyễn Văn Châu T5; Nguyễn Thị Diệu H2; Nguyễn Thị Hồng L; Nguyễn Thị Mộng T6); bà Nguyễn Thị P2 (chết năm 2013, có 3 người con: Bùi Tấn T7, Bùi Thanh T8, Nguyễn Văn M) và nguyên đơn Nguyễn Thị T.

Lúc sinh thời ông Đ11 và bà R11 không có nợ,không cho ai vay tiền và có tạo lập được khối di sản là: Thửa đất diện tích khoảng hơn 2000m^2 trong đó có đất T và đất V, đất tọa lạc tại khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đ11, bà R11 chết không để lại di chúc.Trên phần di sản có 03 nhà sau: nhà của ông Nguyễn Văn H (Lượm), nhà ông Nguyễn Văn T2 và nhà của ông bị đơn Nguyễn Văn H.

Khi còn sống ông Đ11 và bà R11 đã cho tất cả anh chị em trong nhà mỗi người một phần đất và đã làm giấy chứng nhận, nguyên đơnđược bà R11 cho phần đất nêu trên bằng miệng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nên không thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện nay phần đất này do ông Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng và không chia cho nguyên đơn, mặc dù trước đây ông H cũng đã được cha mẹ cho đất nhưng đã bán hết.

Nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật và đề nghị được nhận toàn bộ diện tích đất cha mẹ để lại (diện tích cụ thể sẽ xác định khi tiến hành đo đạc). Riêng đối với phần đất có hai căn nhà cấp 4 của ông Nguyễn Văn H (Lượm) và ông Nguyễn Văn T2 hiện có trên đấtphần đất tại vị trí (I) diện tích 440,3m^2 ông Nguyễn Văn T2 đang quản lý sử dụng và vị trí (III) diện tích 371,0m^2 ông Nguyễn Văn H (Tên gọi khác Lượm) đang quản lý sử dụng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị N2, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thanh T3, bà Nguyễn Thị T10, bà Trần Thị Cẩm N10, bà Nguyễn Thị P2, ông Bùi Tấn T7, bà Bùi Thanh T8, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Châu T5, bà Nguyễn Diệu H10, bà Nguyễn Thị Mộng T11, bà Nguyễn Thị Hồng L có ý kiến không yêu

cầu khởi kiện, nếu được chia kỷ phần thì kỷ phần của những người này đều tặng lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ bị đơn bà Võ Thị H12 người đại diện theoủy quyền của bị đơn đồng thời là người đại diện theoủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T là em ruột của bị đơn ông Nguyễn Văn H, ngoài ra còn 09 anh em khác như bà T trình bày.Cha mẹ của bị đơn không có con nuôi hay con riêng, ông bà nội và ông bà ngoại cũng đều đã chết hết.

Tài sản cha mẹ bị đơn để lại sau khi chết gồm phần đất diện tích khoảng 2.000 m² tọa lạc tại khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang. Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên phần đất đó hiện có ba nền nhà. Nền thứ nhất, khi bà R11 còn sống có bán cho ông T13, sau này ông T13 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác L, con bà Nguyễn Thị T2). Ông H đã cất nhà và ở ổn định đến nay. Nền thứ hai, cha mẹ lúc sinh thời cho ông Nguyễn Văn T2 để cất nhà ở và ông Tất sinh sống từ đó đến nay. Nền thứ ba là căn nhà hiện tại của bị đơn, có nguồn gốc từ nền nhà xưa của cha mẹ để lại. Do căn nhà cũ đã xuống cấp nên khoảng 05 năm trước vợ chồng bị đơn xây dựng lại nhà mới. Căn nhà này hiện có bốn nhân khẩu: bị đơn Nguyễn Văn H, vợ là bà Võ Thị H12, hai con là Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn Đ6. Toàn bộ ba nền nhà này đến nay đều chưa được cấp giấy chứng nhận.

Ngoài ba nền nhà nói trên, phần đất còn lạido bị đơn trực tiếp quản lý và sử dụng. Trước đây, khi bị đơn có gia đình, ở quê vợ thì bà Nguyễn Thị T vẫn chưa lập gia đình, còn ở chung với mẹ. Do đó, mẹ và anh chị em trong gia đình cũng có ý định cho lại phần đất hương hỏa này cho bà T.Tuy nhiên, chỉ là lời nói, không có giấy tờ gì. Sau này, khi bà T có chồng, bị đơn nghe bà T kêu bán đất bên vợ để về sống nuôi mẹ già nên bị đơn đã bán hết đất bên vợ, về ở và chăm sóc mẹ tại phần đất này cho đến nay.Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý và bị đơn cũng không yêu cầu khởi kiện chia thừa kế.

Về trình tự thủ tục: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với Thửa đất diện tích đo đạc thực tế 1.235,4m^2 trong đó có diện tích 200m^2 loại T và diện tích 1.035,4m^2loại đất V, đất tọa lạc tại khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay là khu vực H, phường H, thành phố Cần Thơ.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tranh chấp giữa các bên đương sự là "Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế". Nơi cư trú của bị đơn và bất động sản tranh chấp tọa lạc tại Khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang cũ nay Khu vực H, phường H, thành phố cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn Đ6vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn thực hiện việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Xét thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế.

Nguyễn Văn Đ11 chết năm 1986 và bà Nguyễn Thị R11 chết năm 2007. Đối với ông Đ11, mặc dù các hàng thừa kế không cung cấp được giấy chứng tử của ông Đ11 nhưng phía nguyên đơn có cung cấp tờ khai hộ tịch ngày 18/12/2023 được UBND phường H (cũ) chứng thực, có nội dung thể hiện ông Nguyễn Văn Đ11 đã chết năm 1986. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất và có lời khai rằng ông Nguyễn Văn Đ11 chết năm 1986. Bên cạnh đó, nguyên đơn có cung cấp được giấy chứng tử của bà Nguyễn Thị R11 chứng minh việc bà R11 chết năm 2007. Do vậy thời điểm mở thừa kế được xác định vào năm 2007. Đến năm 2024 nguyên đơn có đơn khởi kiện tại Toà án do vậy xác định việc khởi kiện của các nguyên đơn còn trong thời hiệu 30 năm theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015. Đây là một trong những chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Về di sản thừa kế:

Xét thấy các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất quyền sử dụng đất diện tích 2046,7m^{2}trong đó có loại đất T và loại đất V, đất tọa lạc tại khu vực H, phường H, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang (Nay là khu vựcH, phường H, thành phố Cần Thơ là di sản mà ông Nguyễn Văn Đ11 và bà Nguyễn Thị R11 để lại. Do ông Đ11 và bà R11 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo quy định pháp luật.

Đối với phần di sản, mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định được vị trí, chỉ được ranh, mốc, thửa đất. Sau khi thẩm định, đo đạc xác định phần đất trên thuộc thửa 316 và thửa 330 có diện tích 2046,7m^2. Hiện tại trên phần đất có 03 căn nhà của ông Nguyễn Văn H (Lượm), nhà ông Nguyễn Văn T2 và nhà của ông bị đơn Nguyễn Văn H. Đối với phần đất tại vị trí (I) diện tích 440,3m^2 ông Nguyễn Văn T2 cất nhà quản

lý sử dụng và vị trí (III) diện tích 371,0m^2 ông Nguyễn Văn H (Tên gọi khác Lượm) cất nhà quản lý sử dụng nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với phần di sản, mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định được vị trí, chỉ được ranh, mốc, thửa đất. Sau khi thẩm định, đo đạc thực tế xác định phần đất trên thuộc thửa 316 và thửa 330 có diện tích 2046,7m^2- 440,3m^2 - 371,0m^2 = 1.235,4m^2 trong đó có diện tích 200m^2 loại T và diện tích 1.035,4m^{2}loại đất V.

Căn cứ hồ sơ có trong vụ án cho thấy ông Nguyễn Văn Đ11 và bà Nguyễn Thị R11 là vợ chồng. Lúc sinh thời cả hai chung sống với nhau có 11 người con là bà Nguyễn Thị T2; bà Nguyễn Thị N2; ông Nguyễn Văn T2; bà Nguyễn Thị R; bà Nguyễn Thanh T3; ông Nguyễn Văn H; bà Nguyễn Thị T4; bà Nguyễn Thị Cẩm N; ông Nguyễn Văn D (ông Dữ chết năm 2014, có 4 người con bao gồm: Nguyễn Văn Châu T5; Nguyễn Thị Diệu H2; Nguyễn Thị Hồng L; Nguyễn Thị Mộng T6); bà Nguyễn Thị P2 (chết năm 2013, có 3 người con: Bùi Tấn T7, Bùi Thanh T8, Nguyễn Văn M) và nguyên đơn Nguyễn Thị T. Đồng thời trong thời gian bà R11 già yếu, ông Nguyễn Văn H có về ở chung và chăm sóc bà R11 cho đến khi bà R11 chết, do đó ông Nguyễn Văn H có công chăm sóc, phụng dưỡng mẹ già nên ông H được nhận thêm 01 suất thừa kế.

Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính số 49/CHK ngày 05/7/2024 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam và Chứng thư thẩm định giá số 235/2025/29-BĐS ngày 20/02/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất thì phần đất tranh chấp có tổng giá trị (theo giá thị trường) là1.035,4m^2 x 301.000 đồng = 311.655.400 đồng; 200m^2 x 2.038.000 đồng = 407.600.000đồng; Cộng 311.655.400 đồng + 407.600.000 đồng = 719.255.400 đồng. Như vậy, các kỷ phần được chia như sau 719.255.400 đồng/12 = 59.937.950 đồng. Bị đơn ông Nguyễn Văn H được hưởng 02 suất thừa kế là 59.937.950 đồng x 2 = 119.875.900 đồng. Các đồng thừa kế còn lại mỗi người được hưởng 59.937.950 đồng.

[3.3]. Căn cứ vào Mảnh trích đo địa chính hiện tại ông Nguyễn Văn H đang quản lý sử dụng phần diện tích đất tại vị trí (II) thuộc thửa 316, diện tích 200m^2 loại đất ở đô thị, theo Mảnh trích đo đị chính, trong quá trình tố tụng ông H cũng thừa nhận Mảnh trích đo địa chính là đúng với hiện trạng. Vì vậy, phần đất ông H đang quản lý sử dụng có tổng giá trị sử dụng là 407.600.000 đồng. Trong quá trình giải quyết đại diện theo uỷ quyền của ông H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không yêu cầu chia thừa kế. Xét thấy, hiện tại gia đình ông H đang sinh sống, ổn định trên phần đất trên, tại vị trí số (II) thuộc thủa 316 loại đất ở đô thị, theo Mảnh trích đo có nhà của ông Nguyễn Văn H. Do phần diện tích ông H được công nhận chênh lệch so với kỷ phần ông H nhận được nên ông H phải có trách nhiệm trả lại phần giá trị cho các đồng thừa kế khác là 287.724.100 đồng.

[3.4]. Trong qúa trình tố tụng các đồng thừa kế còn lại đồng ý giao lại kỷ phần được hưởng cho bà Nguyễn Thị T, do đó bà T được hưởng tổng giá trị của các kỷ phần là 599.379.500 đồng. Xét thấy, nguyên đơn có yêu cầu nhận phần đất di sản có tổng diện tích 1035,4m^{2}tại vị trí (II) thuộc thửa 330 loại đất trồng cây lâu năm và số (IV) thuộc thửa 330 loại đất trồng cây lâu năm, theo Mảnh trích đo địa chính nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T nhận thiếu 287.724.100 đồng.

Trên phần đất tại vị trí (II) thuộc thửa 330 và số (IV) thuộc thửa 330 bị đơn ông Nguyễn Văn H có trồng 02 cây dừa A, 01 cây vú sữa, 01 cây me, 01 cây khế, 18 cây cà na, cây nhỏ chưa phát triển tán, 35 cây dừa B có tổng giá trị là 23.800.000 đồng. Nguyên đơn bà T có trách nhiệm trả giá trị cây trồng cho bị đơn.

[4]. Về đề nghị của Kiểm sát viên:

Ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 93, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 623, Điều 649 và Điều 650 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật như sau:

- Công nhận và buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H phải giao cho bà Nguyễn Thị T phần đất có tổng diện tích 1035,4m^{2}tại vị trí (II) thuộc thửa 330 diện tích 862,6m^2 loại đất trồng cây lâu năm và số (IV) thuộc thửa 330 diện tích 172,8m^2 loại đất trồng cây lâu năm theo Mảnh trích đo địa chính số 49/CHK ngày 05/7/2024 của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ cà thiết kế xây dựng CHK Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả giá trị cây trồng trên đất cho bị đơn ông Nguyễn Văn H với tổng số tiền là 23.800.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng)

2. Công nhận và buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải giao cho bị đơn ông Nguyễn Văn H phần đất vị trí số (II) thuộc thửa 316diện tích 200m^2 loại đất ở đô thị theo Mảnh trích đo địa chính số 49/CHK ngày 05/7/2024 của Công ty cổ phần đo đạc bản đồ cà thiết kế xây dựng CHK Việt Nam. Buộc ông H trả lại

phần giá trị cho các đồng thừa kế khác là 287.724.100 đồng (Hai trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn một trăm đồng)

Đình chỉ đối với yêu cầu của các nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất tại vị trí (I) diện tích 440,3m^2 loại đất trồng cây lâu năm, ông Nguyễn Văn T2 cất nhà quản lý sử dụng và vị trí (III) diện tích 371,0m^2 loại đất trồng cây lâu năm, ông Nguyễn Văn H (Tên gọi khác Lượm) cất nhà quản lý sử dụng.

Kích thước, hình thể, giáp giới các thửa đất nêu trên được xác định theo Mảnh trích đo địa chính số 49 ngày 05/7/2024 của Công ty Cổ phần đo đạc bản đồ và thiết kế xây dựng CHK Việt Nam (kèm theo sơ đồ đo).

3. Các đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 29.968.975 đồng được khấu trừ vào số tiền bà T đã tạm ứng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 005896 ngày 10/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy cũ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ, bà T tiếp tục nộp thêm số tiền 14.968.975 đồng (Mười bốn triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Cần Thơ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền là 5.993.795 đồng (Năm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng)

5. Về chi phí tố tụng gồm: Chi phí đo đạc, thẩm định, lược đồ, trích lục hồ sơ và chứng thư định giá tổng số tiền là 15.000.000đồng.

Nguyên đơn phải chịu 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) nguyên đơn đã nộp xong.

Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 để giao trả lại cho nguyên đơn

6. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợinghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợinghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung